

Bản án số: **125/2024/HNGĐ-ST**  
Ngày: 08/3/2024.  
“V/v tranh chấp ly hôn,  
chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thái Dương Thùy Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Bờ; Ông Mai Minh Chánh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thái Trân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 23/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 về “tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Kim C**, sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: Số 244/12, ấp Vĩnh Trung, xã VT, huyện S, tỉnh An Giang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Phước T**, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: Khóm Vĩnh Hưng, thị trấn VTT, huyện CP, tỉnh An Giang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim C trình bày như sau:

Bà và ông Nguyễn Phước T tự nguyện quen nhau rồi tiến tới hôn nhân vào năm 2023, ông bà có tổ chức lễ cưới nhưng đến nay không có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi chung sống được một tháng thì ông bà phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hợp nhau, đời sống chung không có hạnh phúc, sống với nhau được hai tháng thì ông bà quyết định sống ly thân đến nay. Nay, bà C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T. Về con chung: Không có. Về tài sản

chung: Khi khởi kiện, bà yêu cầu chia đôi tài sản chung là 02 (hai) lượng vàng 24kara do ông T đang giữ, bà yêu cầu ông T giao trả cho bà 01 (một) lượng vàng 24kara. Ngày 24/01/2024, bà có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Tại phiên họp công khai chứng cứ và tại phiên hòa giải, bà rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu giải quyết về phần tài sản chung. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*\* Bị đơn ông Nguyễn Phước T trình bày:*

Ông thống nhất với bà C về việc ông bà tự nguyện quen nhau và tiến tới hôn nhân vào năm 2023, có tổ chức lễ cưới nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau, vợ chồng chung sống được khoảng hơn một tháng thì phát sinh mâu thuẫn, không hợp nhau, không có hạnh phúc. Sau đó, ông và bà C quyết định sống ly thân đến nay. Nay, bà C khởi kiện yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn với bà C. Về con chung: Ông thống nhất không có. Về tài sản chung: Ông T thống nhất với bà C về việc không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Về nợ chung: Ông T thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết.

\* Qua trích lục thông tin đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT và Ủy ban nhân dân thị trấn VTT đều xác định: không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn của bà Lê Thị Kim C và ông Nguyễn Phước T.

\* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà C và ông T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: đề nghị không xem xét. Về án phí sơ thẩm: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Lê Thị Kim C khởi kiện yêu cầu giải quyết về ly hôn, chia tài sản chung đối với bị đơn ông Nguyễn Phước T.

Ông T có địa chỉ cư trú tại thị trấn VTT, huyện CP, tỉnh An Giang nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn*” và Tòa án nhân dân huyện CP có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

*Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy, nguyên đơn bà Lê Thị Kim C và bị đơn ông Nguyễn Văn T mặc dù tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2023 nhưng đến nay không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên xác định hôn nhân giữa ông bà không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Kim C và ông Nguyễn Phước T.

*Về quan hệ con chung:* Bà C và ông T đều thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Về quan hệ tài sản chung:* Theo đơn khởi kiện, bà C yêu cầu chia tài sản chung là 02 (hai) lượng vàng 24kara do ông T đang giữ, bà yêu cầu ông T giao trả cho bà 01 (một) lượng vàng 24kara. Quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn bà C có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc bà C rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện, ông T cũng thống nhất và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn về việc yêu cầu chia tài sản chung là 02 (hai) lượng vàng 24kara. Trường hợp sau này bà C và ông T có tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

*Về quan hệ nợ chung:* Bà C và ông T đều thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Do bà C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên bà C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng mà bà C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005238 ngày 22/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Riêng đối với phần tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung: Do Hội đồng xét xử đã đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà C nên hoàn trả lại cho bà C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.800.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005239 ngày 22/01/2024 của C cục Thi hành án dân sự huyện CP.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### Xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Kim C và ông Nguyễn Phước T.

- Về con chung: Không có, không xem xét.

- Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim C đối với bị đơn ông Nguyễn Phước T về việc yêu cầu chia tài sản chung là 02 (hai) lượng vàng 24kara.

- Về nợ chung: không có, không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Lê Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0005238 ngày 22 tháng 01 năm 2024 của C cục Thi hành án dân sự huyện CP, bà C không phải nộp thêm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Kim C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005239 ngày 22/01/2024 của C cục Thi hành án dân sự huyện CP.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị Kim C, bị đơn ông Nguyễn Phước T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát ND tỉnh AG;
- Viện kiểm sát ND H. CP;
- Chi cục THA DS H. CP;
- Đương sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Dương Thùy Dung**